

Số: 58 /2022/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 167/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Công văn số 3738/SKHĐT-KTĐN ngày 28 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Quy định này quy định một số nội dung về đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, gồm: Lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án đầu tư để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa không phân biệt quy mô diện tích đất sử dụng); chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn, chấp thuận nhà đầu tư (thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh); đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.”

2. Thay thế cụm từ “Dự án đầu tư có sử dụng đất” bằng cụm từ “Dự án đầu tư” tại tên Chương II, Điều 3, Điều 8.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Trình tự thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

a) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước đề xuất dự án (là cơ quan Nhà nước được giao lập đề xuất dự án đầu tư) nộp 03 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định, trong đó có 01 bộ gốc về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước đề xuất dự án chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xin ý kiến các sở, ngành, UBND cấp huyện (gọi chung là các đơn vị) có liên quan;

c) Đối với trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, nếu cần phải làm rõ địa điểm thực hiện dự án thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra thực tế vị trí đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và sao gửi biên bản cho các cơ quan được xin ý kiến;

d) Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến đánh giá nhu cầu sử dụng đất của dự án kèm theo ý kiến về chủ trương đầu tư dự án; các đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung có liên quan do đơn vị quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để xem xét thẩm định.

UBND cấp huyện có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng và quy hoạch liên quan khác (nếu có) tại vị trí đăng ký đầu tư của nhà đầu tư cùng với văn bản tham gia ý kiến gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và chịu trách nhiệm về nội dung ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; quá thời hạn được xin ý kiến mà không có ý kiến trả lời bằng văn bản thì được coi là đồng ý với đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của nhà đầu tư và phải chịu trách nhiệm về các nội dung được xin ý kiến;

đ) Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

Đối với các dự án còn có ý kiến không thống nhất giữa các cơ quan liên quan hoặc còn nội dung chưa được làm rõ, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức hội nghị xem xét quyết định (nếu cần thiết);

e) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư quy định tại các điểm a, b, d khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư và các điểm a, b, d, đ khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP (trừ các dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định này); các dự án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 7 Quy định này.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

2. Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư.

3. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 Điều này.

4. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và triển khai thực hiện đấu thầu theo quy định tại Điều 7a Quy định này.

5. Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án 30 ngày kể từ ngày danh mục dự án được đăng tải gia hạn. Sau khi gia hạn, căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì triển khai thực hiện như sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu thì thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4 Điều này;

b) Trường hợp vẫn chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư (đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư) theo quy định của pháp luật về đầu tư.”

6. Bổ sung Điều 7a như sau:

“Điều 7a. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. UBND cấp huyện là Bên mời thầu, tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà

đầu tư, hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và đề xuất nhà đầu tư trúng thầu. Khi lập hồ sơ mời thầu, bên mời thầu xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất (Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT).

2. Thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) trong bước lập hồ sơ mời thầu được thực hiện như sau:

a) UBND cấp huyện lập hồ sơ xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3), gửi Sở Tài chính để thẩm định;

b) Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài chính thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3), gửi UBND cấp huyện để làm cơ sở lập hồ sơ mời thầu dự án.

3. Hồ sơ trình thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3):

a) Tờ trình đề nghị thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3);

b) Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 của cấp có thẩm quyền, kèm theo bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất;

c) Hồ sơ chủ trương đầu tư dự án hoặc danh mục dự án đầu tư được phê duyệt (nếu có);

d) Bảng tổng hợp chi tiết từng phiên đấu giá quyền sử dụng đất thành công tại các khu đất, quỹ đất, thửa đất đáp ứng điều kiện tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Mục 3 Phụ lục VIII kèm theo Thông tư 09/2021/TT-BKHĐT.

Trường hợp nơi thực hiện dự án không có khu đất, quỹ đất, thửa đất đáp ứng điều kiện để tham chiếu xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) thì nêu rõ trong Tờ trình đề nghị thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước;

đ) Thuyết minh tính toán dự kiến thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

4. Trình tự, thủ tục triển khai thực hiện đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư dự án theo quy định tại Chương IV Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

5. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư sau khi có kết quả phê duyệt lựa chọn nhà đầu tư. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực cho đến khi có văn bản khác thay thế. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, UBND cấp huyện gửi Hợp đồng dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.”

7. Bổ sung Điều 7b như sau:

“Điều 7b. Xác định giá trị ΔG , k để xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3)

1. UBND các huyện, thành phố xác định giá trị ΔG , k theo Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT để xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3).

2. Khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu để xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3)

a) Việc xác định khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 3, Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT;

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện nơi thực hiện dự án không có khu đất, quỹ đất, thửa đất đáp ứng điều kiện tại điểm b khoản 1 Mục 3, Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT, sử dụng khu đất, quỹ đất, thửa đất thuộc đơn vị hành chính của tất cả các huyện giáp ranh với đơn vị hành chính cấp huyện nơi thực hiện dự án để tham chiếu;

c) Trường hợp đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi thực hiện dự án không có khu đất, quỹ đất, thửa đất đáp ứng điều kiện tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Mục 3, Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT, sử dụng khu đất, quỹ đất, thửa đất có kết quả đấu giá trong vòng 05 năm trước ngày phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

d) Trường hợp địa phương xác định có diễn biến bất thường của giá đất và đã thực hiện điều chỉnh bảng giá đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì được phép không tham chiếu các khu đất, quỹ đất, thửa đất có tỷ lệ tăng qua đấu giá cao hơn 20% so với mức tăng bình quân sau trúng đấu giá của các khu đất, quỹ đất, thửa đất tham chiếu.”

8. Bổ sung điểm e vào khoản 2 Điều 8 như sau:

“e) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư, giám sát hoạt động đấu thầu.”

9. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 8 như sau:

“b) Tham gia thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư và các thủ tục khác theo quy định của Luật Đầu tư và Quy định này. Chịu trách nhiệm đánh giá nhu cầu sử dụng đất, hình thức giao đất, cho thuê đất đối với các dự án có sử dụng đất; thẩm định về điều kiện Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tác động của dự án tới môi trường; việc quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản và các nội dung liên quan khác thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành;”

10. Bổ sung điểm c vào khoản 5 Điều 8 như sau:

“c) Thẩm định giá sàn nộp ngân sách nhà nước (m3) trong hồ sơ mời thầu của các dự án theo đề nghị của UBND cấp huyện.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cung cấp thông tin về địa điểm cho các nhà đầu tư; hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu, lập dự án đầu tư”.

b) Bổ sung khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12 như sau:

“9. Có trách nhiệm rà soát, tổng hợp đầy đủ, kịp thời, chính xác kết quả

trúng đấu giá quyền sử dụng đất báo cáo gửi Sở Tài chính để tổng hợp xác định thông số đầu vào ΔG , làm cơ sở tính toán giá trị theo quy định.

10. Là bên mời thầu, lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đề xuất nhà đầu tư trúng thầu. Trường hợp dự án thực hiện trên địa bàn từ hai đơn vị cấp huyện trở lên thì bên mời thầu đề lựa chọn nhà đầu tư là Ủy ban Nhân cấp huyện nơi có tỷ trọng diện tích đất thực hiện dự án lớn nhất.

11. Đàm phán, ký kết hợp đồng dự án; thực hiện quản lý, giám sát toàn diện trong quá trình thực hiện hợp đồng dự án.

12. Đơn đốc nhà đầu tư trúng thầu nộp ngân sách nhà nước giá trị M3”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định của văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Hợp đồng dự án, các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, pháp luật có liên quan và Quy định này. Thực hiện ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư; nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hợp đồng dự án”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2023

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quyết định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế các Bộ: KH&ĐT, TN&MT, XD (b/c);
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ và cơ quan thuộc Tỉnh uỷ;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh;
- Huyện uỷ, Thành uỷ, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức hội doanh nghiệp;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các phòng, đơn vị trực thuộc;
 - + Trung tâm thông tin (đăng tải);
 - + Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương